

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017

kèm theo

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN ALLIANCE OF INTER-CONTINENTAL ACCOUNTANTS

Trụ sở chính: Số 3, ngõ 1295, đường Giải Phóng, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội
ĐT: (84) 4 3974 5080/81/82 * Fax: (84) 4 3974 5083
Email: cpahanoi@fpt.vn * Website: www.cpahanoi.com

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Địa chỉ: km số 2, thôn Kon Rờ Bàng, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum, VN

Điện thoại: (0260) 3864 958 - Fax: (0260) 3862 969

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017

kèm theo

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

Số 3 - ngõ 1295 đường Giải Phóng - Hoàng Mai - Hà Nội

Điện thoại: (024) 3 974 5081/82 Fax: (024) 3 974 5083

Hà Nội, tháng 08 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Địa chỉ: km số 2, thôn Kon Rờ Bàng, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum, VN

Điện thoại: (0260) 3864 958 - Fax: (0260) 3862 969

MỤC LỤC

Nội dung	Trang số
Báo cáo của hội đồng quản trị và Ban giám đốc	2 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
<i>Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2017</i>	6 - 7
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017</i>	8
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017</i>	9
<i>Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017</i>	10 - 37



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đường Kon Tum trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017.

Khái quát chung về Công ty Cổ phần Đường Kon Tum

Công ty Cổ phần Đường Kon Tum (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Đường Kon Tum) theo quyết định số 1459/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 12/05/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6100228104, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kon Tum cấp lần đầu ngày 27/10/2006 và đăng kí thay đổi lần thứ 8 ngày 18/11/2015.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: KTS

Công ty có trụ sở tại: km số 2, thôn Kon Rờ Bàng, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum, VN

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty tại ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị:

- | | |
|----------------------|-------------------|
| 1 Ông Đặng Việt Anh | Chủ tịch HĐQT |
| 2 Ông Lê Hồng Thái | Phó chủ tịch HĐQT |
| 3 Ông Trần Ngọc Hiếu | Ủy viên |
| 4 Ông Nguyễn Thắng | Ủy viên |
| 5 Ông Nguyễn Sỹ Hà | Ủy viên |

Ban Giám đốc:

- | | |
|---------------------|-------------------|
| 1 Ông Lê Hồng Thái | Tổng Giám đốc |
| 2 Ông Nguyễn Thắng | Phó Tổng Giám đốc |
| 3 Ông Hồ Minh Tường | Kế toán trưởng |

Ban Kiểm soát:

- | | |
|----------------------|------------|
| 1 Bà Trần Thị Nhi | Trưởng ban |
| 2 Bà Nguyễn Thị Thủy | Thành viên |
| 3 Ông Nguyễn Đức Cẩn | Thành viên |

Kiểm toán viên độc lập

Báo cáo tài chính cho năm tài chính từ ngày 01/07/2016 đến ngày 30/06/2017 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI).

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Đại diện cho

Công ty Cổ phần Đường Kon Tum



Lê Hồng Thái
TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Hồng Thái

Tổng Giám đốc

Lê Hồng Thái

Kon Tum, ngày 25 tháng 08 năm 2017



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN ALLIANCE OF INTER-CONTINENTAL ACCOUNTANTS

Trụ sở chính: Số 3, ngõ 1295, đường Giải Phóng, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

ĐT: (84) 4 3974 5080/81/82

Email: cpahanoi1999@gmail.com

Fax: (84) 4 3974 5083

Website: www.cpahanoi.com



Số: 268/2017/CPA HANOI - BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính từ ngày 01/07/2016 đến ngày 30/06/2017
của Công ty Cổ phần Đường Kon Tum*

Kính gửi:

CÁC CỔ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI) đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đường Kon Tum được lập ngày 25/08/2017, trình bày từ trang 06 đến trang 37 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đường Kon Tum cho năm tài chính kết thúc tại ngày 30/06/2017, cũng như kết quả sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính Cho năm tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017 đã kiểm toán, được lập thành 07 bản tiếng Việt; các bản có giá trị pháp lý như nhau Công ty cổ phần Đường Kon Tum giữ 06 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội giữ 01 bản.

Hà Nội, ngày 31 tháng 08 năm 2017

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

Phó Tổng Giám đốc



Lê Văn Dò
Giấy CNDKHNKT số: 0231-2013-016-1

Kiểm toán viên


Nguyễn Thị Phần
Giấy CNDKHNKT số: 0928-2013-016-1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Địa chỉ: km số 2, thôn Kon Rờ Bàng, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum, VN

Điện thoại: (0260) 3864 958 - Fax: (0260) 3862 969

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính

từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		268.468.843.807	105.504.128.229
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	17.349.439.905	56.230.344.912
1. Tiền	111		11.149.439.905	730.344.912
2. Các khoản tương đương tiền	112		6.200.000.000	55.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		146.939.297.794	43.999.122.754
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3.1	114.645.773.250	35.599.675.000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3.2	32.010.546.071	8.100.026.774
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.2	3.140.000.000	3.140.000.000
4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	1.357.133.741	1.076.529.731
5. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.5	(4.214.155.268)	(3.917.108.751)
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	102.570.566.332	5.197.361.879
1. Hàng tồn kho	141		102.570.566.332	5.197.361.879
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.609.539.776	77.298.684
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10.1	74.631.514	77.298.684
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.534.908.262	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC	200		57.411.617.155	41.568.708.508
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		52.822.918.470	40.586.748.786
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	51.478.554.501	39.278.324.103
- Nguyên giá	222		179.444.618.455	167.324.660.026
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(127.966.063.954)	(128.046.335.923)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	1.344.363.969	1.308.424.683
- Nguyên giá	228		1.958.794.286	1.912.794.286
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(614.430.317)	(604.369.603)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.378.590.811	559.892.462
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	1.378.590.811	559.892.462
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3.210.107.874	422.067.260
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10.2	3.210.107.874	422.067.260
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		325.880.460.962	147.072.836.737

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 37 là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng Báo cáo tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		173.072.037.623	7.160.505.626
I. Nợ ngắn hạn	310		173.072.037.623	7.160.505.626
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	9.958.187.554	78.391.170
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		566.950	566.950
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	720.044.471	686.573.702
4. Phải trả người lao động	314		7.093.776.254	4.385.466.409
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	46.277.903	500
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	568.452.800	15.420.551
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	152.591.401.320	1.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.093.330.371	1.993.086.344
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		152.808.423.339	139.912.331.111
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	152.808.335.157	139.912.242.929
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		50.700.000.000	50.700.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.700.000.000	50.700.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.609.812.512	2.609.812.512
3. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		18.674.216.181	18.674.216.181
5. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		5.136.360.000	5.136.360.000
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		75.687.946.464	62.791.854.236
- LNST chưa phân phối đến cuối kỳ trước	421a		33.308.011.138	29.737.444.371
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		42.379.935.326	33.054.409.865
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		88.182	88.182
1. Nguồn kinh phí	431	V.23	88.182	88.182
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		325.880.460.962	147.072.836.737

Kon Tum, ngày 25 tháng 08 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Phan Dạ Uyên

Hồ Minh Tường

Lê Hồng Thái

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/07/2016 đến 30/06/2017	Từ 01/07/2015 đến 30/06/2016
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	294.571.430.078	291.079.061.947
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	-	298.890.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10	VI.3	294.571.430.078	290.780.171.947
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	243.306.142.303	241.604.322.440
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		51.265.287.775	49.175.849.507
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	5.837.830.332	4.545.318.184
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	2.627.972.384	564.451.666
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.627.972.384	564.451.666
8. Chi phí bán hàng	25	VI.7	1.071.161.669	1.521.819.015
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	8.047.019.762	8.411.373.385
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		45.356.964.292	43.223.523.625
11. Thu nhập khác	31	VI.9	377.409.430	763.163.688
12. Chi phí khác	32	VI.10	2.023.686.632	2.279.425.889
13. Lợi nhuận khác	40		(1.646.277.202)	(1.516.262.201)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		43.710.687.090	41.707.261.424
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.11	1.330.751.764	354.181.670
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		42.379.935.326	41.353.079.754
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.13	7.842	7.130

Người lập biểu



Phan Dạ Uyên

Kế toán trưởng



Hồ Minh Tường

Kon Tum, ngày 25 tháng 08 năm 2017



Tổng Giám đốc



Lê Hồng Thái

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp trực tiếp)
 Cho năm tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/07/2016 đến 30/06/2017	Từ 01/07/2015 đến 30/06/2016
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		223.934.116.880	354.608.514.418
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(320.421.019.968)	(208.394.910.308)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(19.599.553.289)	(18.090.226.989)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(2.581.694.981)	(589.555.939)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(1.139.297.406)	(183.208.764)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2.686.547.558	1.789.769.717
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(21.183.882.525)	(19.412.518.261)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(138.304.783.731)	109.727.863.874
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(38.270.317.396)	(199.864.519)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		63.636.364	525.354.545
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.320.158.436	3.881.247.728
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(32.886.522.596)	4.206.737.754
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	VII.1	271.385.898.730	74.289.627.656
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	VII.2	(118.795.497.410)	(104.253.364.877)
3. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(20.280.000.000)	(27.885.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		132.310.401.320	(57.848.737.221)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(38.880.905.007)	56.085.864.407
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		56.230.344.912	144.480.505
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61			-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		17.349.439.905	56.230.344.912

Người lập biểu



Phan Dạ Uyên

Kon Tum, ngày 25 tháng 08 năm 2017
 Kế toán trưởng



Hồ Minh Tường

Tổng Giám đốc



Lê Hồng Thái



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017****I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp****1. Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Đường Kon Tum (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Đường Kon Tum) theo quyết định số 1459/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 12/05/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6100228104, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kon Tum cấp lần đầu ngày 27/10/2006 và đăng kí thay đổi lần thứ 8 ngày 18/11/2015.

Công ty có trụ sở tại: km số 2, thôn Kon Rờ Bàng, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum, VN.

Vốn điều lệ của Công ty trên đăng ký kinh doanh là: 50.700.000.000 đồng

(Bằng chữ: Năm mươi tỷ bảy trăm triệu đồng).

Cơ cấu vốn điều lệ:	Số cổ phần	Thành tiền	Phần trăm
Ông Nguyễn Tất Đạt	358.800	3.588.000.000	7,08%
Công ty TNHH Kim Hà Việt	760.500	7.605.000.000	15,00%
Các cổ đông khác	3.950.700	39.507.000.000	77,92%
Tổng Cộng	5.070.000	50.700.000.000	100%

2 Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh đường.**3 Ngành nghề kinh doanh**

- Sản xuất đường;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Sản xuất truyền tải và phân phối điện;
- Trồng cây mía;
- Mua phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp;
- Sản xuất bao bì;
- Lắp đặt máy móc, thiết bị;
- Gia công sản xuất các sản phẩm cơ khí;

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**1. Kỳ kế toán năm :**

Năm 2015 trở về trước, kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

Từ năm 2016, căn cứ theo thông báo số 40/HĐQT ngày 14/04/2016 năm tài khóa của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 7 và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm liền kề.

Theo đó:

Năm tài khóa đầu tiên áp dụng niên độ mới: bắt đầu từ ngày 01/01/2016 kết thúc ngày 30/06/2016.

Bắt đầu từ năm tài khóa thứ 2 áp dụng niên độ mới thì ngày bắt đầu là ngày 01 tháng 07 năm này và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm liền kề.

- Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán, lập và trình bày báo cáo tài chính là: Đồng Việt Nam (VND).

III. Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán áp dụng

- Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và thông tư thay đổi bổ sung kèm theo.
- Tuyên bố tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:

Chúng tôi, Công ty cổ phần Đường Kon Tum, tuyên bố tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành, phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

1 Các loại tỷ giá hối đoái sử dụng trong kế toán:

a Nguyên tắc xác định tỷ giá giao dịch thực tế:

- Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:
- + Tỷ giá giao dịch khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại.
- + Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính: Là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch theo nguyên tắc:

- + Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- + Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.
- b **Nguyên tắc xác định tỷ giá ghi sổ: Tỷ giá ghi sổ gồm tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh hoặc tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động.**
 - Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh: Là tỷ giá khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định theo tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc tại thời điểm đánh giá lại cuối kỳ của từng đối tượng.
 - Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động là tỷ giá được sử dụng tại bên Có tài khoản tiền khi thanh toán tiền bằng ngoại tệ, được xác định trên cơ sở lấy tổng giá trị được phản ánh tại bên Nợ tài khoản tiền chia cho số lượng ngoại tệ thực có tại thời điểm thanh toán.
- c **Nguyên tắc áp dụng tỷ giá trong kế toán:**
 - Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm giao dịch phát sinh được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán đối với:
 - + Các tài khoản phản ánh doanh thu, thu nhập khác. Riêng trường hợp bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ hoặc thu nhập có liên quan đến doanh thu nhận trước hoặc giao dịch nhận trước của người mua thì doanh thu, thu nhập tương ứng với số tiền nhận trước được áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm nhận trước của người mua.
 - + Các tài khoản phản ánh chi phí sản xuất, kinh doanh, chi phí khác. Riêng trường hợp phân bổ khoản chi phí nhận trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ thì chi phí được ghi nhận theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm trả trước.
 - + Các tài khoản phản ánh tài sản. Riêng trường hợp tài sản được mua có liên quan đến giao dịch trả trước cho người bán thì giá trị tài sản tương ứng với số tiền trả trước được áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm trả trước cho người bán.
 - + Tài khoản loại vốn chủ sở hữu.
 - + Bên Nợ các tài khoản phải thu; Bên Nợ các tài khoản vốn bằng tiền; Bên Nợ các tài khoản phải trả khi phát sinh giao dịch trả tiền trước cho người bán.
 - + Bên Có các tài khoản phải trả; Bên Có các tài khoản phải thu khi phát sinh giao dịch nhận trước tiền của người mua.
 - Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán đối với các loại tài khoản sau:
 - + Bên Có các tài khoản phải thu (ngoại trừ trường hợp giao dịch nhận trước tiền của người mua); Bên Nợ tài khoản phải thu khi tất toán khoản tiền nhận trước của người mua do đã chuyển giao sản phẩm, hàng hoá, TSCĐ, cung cấp dịch vụ, khối lượng được nghiệm thu; Bên Có các tài khoản ký cược, ký quỹ, chi phí trả trước.

Bên Nợ các tài khoản phải trả (ngoại trừ giao dịch trả trước tiền cho người bán); Bên Có tài khoản phải trả + khi tất toán khoản tiền ứng trước cho người bán do đã nhận được sản phẩm, hàng hoá, TSCĐ, dịch vụ, nghiệm thu khối lượng.

Trường hợp trong kỳ phát sinh nhiều khoản thu hoặc phải trả bằng ngoại tệ với cùng một đối tượng thì tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền di động của các giao dịch đối với các đối tượng đó.

Khi thực hiện thanh toán bằng ngoại tệ, tỷ giá bình quân gia quyền di động được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán ở Bên Có các tài khoản tiền.

2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: các khoản tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), tiền đang chuyển và các khoản tương đương tiền của doanh nghiệp. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản đầu tư khác có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty bao gồm đầu tư vào Công ty con, đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc, bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư hoặc ngày mua trái phiếu.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn:

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn được áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính.

4 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

Có thời gian đáo hạn không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

Các khoản không được phân loại là ngắn hạn thì được phân loại lại là dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu không được khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

5 Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho và phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Hàng tồn kho không bao gồm giá trị chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn và giá trị thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn.

Những chi phí không được tính vào giá gốc hàng tồn kho:

- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.

- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.

- Chi phí bán hàng.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp....

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ = Giá trị hàng tồn đầu kỳ + Giá trị hàng nhập trong kỳ - Giá trị hàng xuất trong kỳ. (Phương pháp tính giá hàng xuất kho theo phương pháp Bình quân gia quyền).

Phương pháp hạch toán tổng hợp hàng tồn kho: Theo phương pháp Kê khai thường xuyên.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm lập Báo cáo tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Tăng giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn.

6 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình và thuê tài chính

Tài sản cố định của Công ty được hạch toán theo 03 chỉ tiêu: nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá của tài sản cố định được xác định là giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo thời gian sử dụng ước tính và theo phương pháp khấu hao đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính và phù hợp với đặc điểm kinh doanh của Công ty. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian KH
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
Máy móc thiết bị	7 - 15 năm
Phương tiện vận tải	6- 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	5 - 8 năm

Phần mềm quản lý	8 năm
Tài sản cố định vô hình khác	20 năm

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

7 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

- Các loại chi phí trả trước dài hạn bao gồm
- Chi phí trả trước về thuê cơ sở hạ tầng, thuê hoạt động tài sản cố định.
- Chi phí mua bảo hiểm và các loại lệ phí mà doanh nghiệp mua và trả một lần cho nhiều kỳ kế toán.
- Công cụ, dụng cụ, bao bì luân chuyển đồ dùng cho thuê liên quan đến hoạt động nhiều kỳ kế toán.
- Chi phí trả trước về lãi tiền vay hoặc lãi trái phiếu ngay khi phát hành.
- Số chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá trị còn lại của TSCĐ bán và thuê lại là thuê hoạt động.
- Các khoản chi phí trả trước khác phục vụ cho hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

8 Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, và các khoản phải trả khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời gian đáo hạn không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là phải trả ngắn hạn.
- Các khoản không được phân loại là ngắn hạn thì được phân loại lại là dài hạn.

9 Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay và nợ thuê tài chính có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được hạch toán vào chi phí tài chính. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hoá.

Đối với các khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

10 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chính sách kế toán áp dụng cho chi chí đi vay Công ty thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán số 16 về Chi phí đi vay, cụ thể:

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

11 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.

Chi phí phải trả dùng để phản ánh các khoản phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hoá đơn hoặc chưa đủ hồ sơ tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Ngoài ra chi phí phải trả còn phản ánh các khoản phải trả cho người lao động trong kỳ như phải trả về tiền lương nghỉ phép và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo phải trích trước như:

Chi phí trong thời gian doanh nghiệp ngừng sản xuất theo mùa vụ.

Trích trước chi phí lãi tiền vay phải trả trong trường hợp vay trả lãi sau, lãi trái phiếu trả sau.

Trích trước chi phí để tạm tính giá vốn hàng hoá, thành phẩm bất động sản đã bán.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

12 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả.

Các khoản dự phòng phải trả là nghĩa vụ nợ hiện tại nhưng thường chưa xác định được thời gian thanh toán cụ thể. Các khoản này được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra.
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Các khoản dự phòng phải trả này thường được ước tính và có thể chưa xác định được chắc chắn số sẽ phải trả. Các khoản phải trả chưa phát sinh do chưa nhận hàng hoá, hàng hoá dịch vụ nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ này để đảm bảo khi phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh được phản ánh là dự phòng phải trả. Các trích trước được phản ánh vào dự phòng phải trả được, như:

Chi phí sửa chữa lớn của những tài sản đặc thù do việc sửa chữa lớn có tính chu kỳ, doanh nghiệp được phép trích trước chi phí sửa chữa lớn cho năm kế hoạch hoặc một số năm tiếp theo.

Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây dựng, tái cơ cấu;

Các khoản dự phòng phải trả khác.

13 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện:

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; Khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ; Và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: Khoản chênh lệch giữa bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hoá, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống... Không hạch toán vào doanh thu chưa thực hiện các khoản :

- Tiền nhận trước của người mua mà doanh nghiệp chưa cung cấp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ;
- Doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ;

14 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu bao gồm:
 - + Vốn góp ban đầu, góp bổ sung của các chủ sở hữu.
 - + Các khoản được bổ sung từ các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu, lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái đều được phản ánh ngày vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại thời điểm phát sinh.
- Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá thực tế mua lại bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc mua lại cổ phiếu.
- Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được thực hiện theo điều lệ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông của Công ty.

15 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng, được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn đồng thời cả bốn điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm:

Lãi tiền gửi, lãi cho vay, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, chiết khấu thanh toán được hưởng khi mua hàng hoá dịch vụ...

Cổ tức lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư.

Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn; Lãi chuyển nhượng vốn khi thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác.

Lãi tỷ giá hối đoái và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác

16 Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu được điều chỉnh giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ bao gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì được coi là sự kiện cần được điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước)

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước sau điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

17 Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán ra trong kỳ. Ngoài ra nó phản ánh đến các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nghiệp vụ cho thuê bất động sản đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

Chi phí nguyên vật liệu, nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn trong kỳ.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua nếu khi xuất bán hàng hoá mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì ghi giảm giá vốn hàng bán.

Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ được ghi giảm giá vốn hàng bán.

18 Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác được ghi giảm chi phí tài chính tài chính.

19 Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng của doanh nghiệp là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản hoàn nhập dự phòng phải trả về bảo hành sản phẩm, hàng hoá (chênh lệch giữa số phải lập dự phòng kỳ này nhỏ hơn số phải lập dự phòng kỳ trước chưa sử dụng hết) thì ghi giảm chi phí bán hàng.

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương và trích theo lương của nhân viên quản lý, chi phí vật liệu văn phòng, chi phí công cụ dụng cụ, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

Hoàn nhập số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số phải lập dự phòng kỳ này nhỏ hơn số phải lập dự phòng kỳ trước chưa sử dụng hết) được ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp.

20 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở tổng thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VND)

1. Tiền	Tại ngày 30/06/2017	Tại ngày 01/07/2016
	VND	VND
Tiền mặt	41.574.851	20.782.597
Tiền gửi Ngân hàng	11.107.865.054	709.562.315
<i>Tiền gửi ngân hàng VNĐ</i>	<i>11.107.865.054</i>	<i>709.562.315</i>
NH Ngoại thương Kon Tum	868.346.728	484.940.932
NH Sacombank - CN Kon Tum	322.766.721	65.174.677
NH Công Thương Kon Tum	286.560.980	3.003.746
NH á Châu Kon Tum	29.760.480	125.907.398
NH Nông Nghiệp & PTNT Kon Tum	13.032.309	1.404.272
NH TMCP Đầu Tư & PT Kon Tum	9.587.397.836	29.131.290
- Các khoản tương đương tiền	6.200.000.000	55.500.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	6.200.000.000	55.500.000.000
Cộng	17.349.439.905	56.230.344.912
2. Phải thu cho về cho vay	Tại ngày 30/06/2017	Tại ngày 01/07/2016
	VND	VND
Phải thu về cho vay các bên không liên quan	3.140.000.000	3.140.000.000
<i>a Phải thu cho về cho vay ngắn hạn</i>	<i>3.140.000.000</i>	<i>3.140.000.000</i>
Công ty CP Nhựa Trường Thịnh (1)	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty CP Bắc Trung Bộ (2)	190.000.000	190.000.000
Công ty CP Chế biến thực phẩm XK Kiên Giang (3)	500.000.000	500.000.000
Công ty CPXD Giao thông thủy lợi Kiên Giang (4)	450.000.000	450.000.000
<i>b Phải thu cho về cho vay dài hạn</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Cộng	3.140.000.000	3.140.000.000

(1) HĐ số 01/2013/HĐTD ngày 26/04/2013 thời hạn cho vay 3 tháng lãi suất 10%/năm. Từ ngày 1/3/2014 lãi suất là 0%

(2) HĐ số 02/2012/HĐTD ngày 30/8/2012, thời hạn vay 12 tháng lãi suất 13%/năm. Từ ngày 1/1/2015 lãi suất là 0%.

(3) HĐ số 03/2010/HĐTD ngày 15/6/2010 vay trả ngày 31/10/2010. Lãi suất 1,0416%/tháng. Từ ngày 1/3/2014 lãi suất là 0%.

(4) HĐ số 04/2010/HĐTD ngày 24/11/2010 gốc vay 500tr thời hạn 3thang. Lãi suất 13%/năm. Từ ngày 1/3/2014 lãi suất là 0%.

Các khoản cho vay đều có đối chiếu hàng năm, tuy nhiên đã quá thời hạn thanh toán theo quy định và đơn vị đã trích lập dự phòng đầy đủ.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

3. Phải thu khách hàng	Tại ngày 30/06/2017		Tại ngày 01/07/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
3.1 Phải thu khách hàng ngắn hạn	114.645.773.250	-	35.599.675.000	-
<i>a Phải thu khách hàng không là các bên liên quan</i>	<i>36.595.773.250</i>	-	<i>35.599.675.000</i>	-
Công Ty CP Đầu Tư Vương Quốc Việt	-	-	6.599.675.000	-
Công Ty TNHH Thái Hằng Hà Tiên	9.000.000.000	-	29.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Nam Phương Hà Tiên	27.595.773.250	-	-	-
<i>b Phải thu khách hàng là các bên liên quan</i>	<i>78.050.000.000</i>	-	-	-
Công Ty TNHH Kim Hà Việt	78.050.000.000	-	-	-
3.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	32.010.546.071	(644.705.555)	8.100.026.774	(347.659.038)
<i>a Trả trước cho người bán không là các bên liên quan</i>	<i>29.510.546.071</i>	<i>(644.705.555)</i>	<i>8.100.026.774</i>	<i>(347.659.038)</i>
Công Ty TNHH XD số 06 Kon Tum	2.429.016.500	-	226.279.000	-
Triveni Turbine limited	5.131.800.000	-	-	-
Global Cane sugar services PVT ltd	1.763.182.000	-	-	-
India Sucro -Tech (Pume) PVT.Ltd	1.384.700.000	-	-	-
M/s shrijee process enineering works limited	2.494.410.000	-	-	-
Kirloskar Brothers (Thái Lan) Limited	1.090.412.359	-	-	-
Các đối tượng khác	15.217.025.212	(644.705.555)	7.873.747.774	(347.659.038)

<i>b</i>	<i>Trả trước cho người bán là các bên liên quan</i>	2.500.000.000	-	-	-
	Công Ty CP Mía Đường Tuy Hòa	2.500.000.000	-	-	-
	Cộng	146.656.319.321	(644.705.555)	43.699.701.774	(347.659.038)
4.	Phải thu khác	Tại ngày 30/06/2017		Tại ngày 01/07/2016	
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	Phải thu khác ngắn hạn	1.357.133.741	(429.449.713)	1.076.529.731	(429.449.713)
<i>a</i>	<i>Phải thu khác - TK 138</i>	<i>1.326.396.261</i>	<i>(429.449.713)</i>	<i>1.075.972.684</i>	<i>(429.449.713)</i>
	<i>Phải thu khác các bên không liên quan</i>	<i>845.937.927</i>	<i>(429.449.713)</i>	<i>1.075.972.684</i>	<i>(429.449.713)</i>
	Cty CP Chế biến thực phẩm XK Kiên Giang	235.069.436	(235.069.436)	235.069.436	(235.069.436)
	Công Ty CP Xây Dựng Giao Thông Thủy Lợi Kiên Giang	189.512.499	(189.512.499)	189.512.499	(189.512.499)
	Công ty Cổ phần Bắc trung bộ	4.867.778	(4.867.778)	4.867.778	(4.867.778)
	Lãi dự thu Ngân Hàng TMCP Đầu Tư & PT Kon Tum	4.800.000	-	220.972.222	-
	Lãi dự thu Ngân hàng Ngoại Thương Kon Tum	2.627.778	-	144.375.000	-
	Công Ty TNHH Thái Hằng Hà Tiên	45.000.000	-	157.083.333	-
	Công ty TNHH Nam Phương Hà Tiên	140.142.011	-	-	-
	Các đối tượng khác	223.918.425	-	124.092.416	-
	<i>Phải thu khác các bên liên quan</i>	<i>480.458.334</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
	Công Ty TNHH Kim Hà Việt	405.041.667	-	-	-
	Công ty Cổ phần mía đường Tuy Hòa	75.416.667	-	-	-
<i>b</i>	<i>Phải thu về tạm ứng</i>	<i>30.737.480</i>	<i>-</i>	<i>557.047</i>	<i>-</i>

5	Nợ xấu	Tại ngày 30/06/2017		Tại ngày 01/07/2016	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	4.551.925.368	337.770.100	4.093.086.090	175.977.339
	<i>Trong đó:</i>	<i>Quá hạn 6 tháng đến dưới 1 năm</i>	<i>Quá hạn 1 năm đến dưới 2 năm</i>	<i>Quá hạn 2 năm đến dưới 3 năm</i>	<i>Quá hạn từ 3 năm trở lên</i>
	Công ty CP Nhựa Trường Thịnh				2.000.000.000
	Công ty CP Bắc Trung Bộ				194.867.778
	Công ty CP Chế biến thực phẩm XK Kiên Giang				735.069.436
	Công ty CPXD Giao thông thủy lợi Kiên Giang				639.512.499
	Trả trước người bán	50.115.134	458.002.219	245.627.990	228.730.312
	Cộng	50.115.134	458.002.219	245.627.990	3.798.180.025
6.	Hàng tồn kho	Tại ngày 30/06/2017		Tại ngày 01/07/2016	
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	Nguyên liệu, vật liệu	1.314.958.616	-	850.195.755	-
	Công cụ, dụng cụ	4.292.669.711	-	3.651.230.702	-
	CP SXKD dở dang	965.125.945	-	311.926.470	-
	Thành phẩm	67.802.358.828	-	286.415.452	-
	Hàng hóa	28.195.453.232	-	97.593.500	-
	Cộng giá gốc hàng tồn kho	102.570.566.332	-	5.197.361.879	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Địa chỉ: km số 2, thôn Kon Rờ Bàng, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum, VN

Điện thoại: (0260) 3864 958 - Fax: (0260) 3862 969

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính

từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	PTVT - truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá tài sản cố định					
Số dư đầu năm	48.302.790.808	115.823.833.130	2.742.535.873	455.500.215	167.324.660.026
- Mua trong năm				46.000.000	46.000.000
- XDCB hoàn thành	12.856.239.792	5.744.924.593			18.601.164.385
- Tăng khác					-
- Chuyển sang BĐS đầu tư					-
- Thanh lý, nhượng bán	4.996.133.350	1.531.072.606			6.527.205.956
- Giảm khác				-	-
Số dư cuối năm	56.162.897.250	120.037.685.117	2.742.535.873	501.500.215	179.444.618.455
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	40.790.722.749	85.748.821.469	1.192.728.205	314.063.500	128.046.335.923
- Khấu hao trong năm	2.047.086.499	3.480.211.206	235.893.564	46.885.000	5.810.076.269
- Tăng khác					-
- Chuyển sang BĐS đầu tư					-
- Thanh lý, nhượng bán	4.433.419.812	1.456.928.426			5.890.348.238
- Giảm khác					-
Số dư cuối năm	38.404.389.436	87.772.104.249	1.428.621.769	360.948.500	127.966.063.954
Giá trị còn lại của TSCĐ					
- Tại ngày đầu năm	7.512.068.059	30.075.011.661	1.549.807.668	141.436.715	39.278.324.103
- Tại ngày cuối năm	17.758.507.814	32.265.580.868	1.313.914.104	140.551.715	51.478.554.501

Note: Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2017 là 79.844.741.599 đồng

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Địa chỉ: km số 2, thôn Kon Rờ Bàng, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum, VN

Điện thoại: (0260) 3864 958 - Fax: (0260) 3862 969

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính

từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017

8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá tài sản cố định				
Số dư đầu năm	1.180.000.000	589.080.000	143.714.286	1.912.794.286
- Mua trong năm		46.000.000		46.000.000
- XDCB hoàn thành				-
- Tăng khác				-
- Chuyển sang BĐS đầu tư				-
- Thanh lý, nhượng bán				-
- Giảm khác				-
Số dư cuối năm	1.180.000.000	635.080.000	143.714.286	1.958.794.286
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	589.080.000	15.289.603	604.369.603
- Khấu hao trong năm		2.875.000	7.185.714	10.060.714
- Tăng khác				-
- Chuyển sang BĐS đầu tư				-
- Thanh lý, nhượng bán				-
- Giảm khác				-
Số dư cuối năm	-	591.955.000	22.475.317	614.430.317
Giá trị còn lại của TSCĐ				
- Tại ngày đầu năm	1.180.000.000	-	128.424.683	1.308.424.683
- Tại ngày cuối năm	1.180.000.000	43.125.000	121.238.969	1.344.363.969

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Thuyết minh báo cáo tài chính

Địa chỉ: km số 2, thôn Kon Rờ Bàng, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum, VN

Cho năm tài chính

Điện thoại: (0260) 3864 958 - Fax: (0260) 3862 969

từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017

9. Chi phí XDCB dở dang:	Tại ngày 30/06/2017 Tại ngày 01/07/2016	
	VND	VND
XDCB dở dang	1.378.590.811	36.363.637
Chi phí sửa chữa lớn	-	523.528.825
Cộng	1.378.590.811	559.892.462
10. Chi phí trả trước	Tại ngày 30/06/2017 Tại ngày 01/07/2016	
	VND	VND
<i>10.1 Chi phí trả trước ngắn hạn</i>	<i>74.631.514</i>	<i>77.298.684</i>
Chi phí thuê đất chưa phân bổ	-	3.772.245
Chi phí bảo trì phần mềm	42.906.000	42.906.000
Chi phí bảo hiểm xe, cháy nổ	29.151.514	28.763.782
Phí đường bộ, bảo trì website	2.574.000	1.856.657
<i>10.2 Chi phí trả trước dài hạn</i>	<i>3.210.107.874</i>	<i>422.067.260</i>
Chi phí bến bãi, phí đường bộ	4.530.195	3.788.617
Chi phí CCDC chờ phân bổ	260.381.721	267.469.707
Chi phí sửa chữa tài sản	869.762.645	150.808.936
Tiền thuê đất	2.075.433.313	-
11. Vay và nợ thuê tài chính (phụ lục 01)		
12. Phải trả người bán	Tại ngày 30/06/2017 Tại ngày 01/07/2016	
	VND	VND
Phải trả người bán ngắn hạn	9.958.187.554	78.391.170
<i>Phải trả người bán là các bên liên quan</i>	<i>230.425.584</i>	<i>-</i>
Công Ty TNHH Kim Hà Việt	230.425.584	
<i>Phải trả người bán không là các bên liên quan</i>	<i>9.727.761.970</i>	<i>78.391.170</i>
Công ty CP Công nông nghiệp Tiến Nông	892.750.000	-
Công ty cổ phần mía đường Trà Vinh	8.700.000.000	-
Các đối tượng khác	135.011.970	78.391.170
<i>Tất cả các khoản phải trả trên đều là nợ trong hạn và Công ty có khả năng thanh toán</i>		

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Thuyết minh báo cáo tài chính

Địa chỉ: km số 2, thôn Kon Rờ Bàng, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum, VN

Cho năm tài chính

Điện thoại: (0260) 3864 958 - Fax: (0260) 3862 969

từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017

13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Thuế và các khoản phải nộp NN	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT nội địa	675.119.786	8.942.735.471	9.617.855.257	-
Thuế GTGT hàng N	-	76.371.100	76.371.100	-
Thuế TNDN	3.034.734,00	1.702.594.931	1.139.297.406	566.332.259
Thuế Tài nguyên	-	244.061.811	244.061.811	-
Thuế đất, tiền thuê đất		2.284.843.545	2.284.843.545	-
Thuế TNCN	8.419.182,00	1.074.219.426	1.061.211.821	21.426.787
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Thuế nhà thầu	-	132.285.425	-	132.285.425
Các loại thuế khác		73.729.856	73.729.856	-
Cộng	686.573.702	14.533.841.565	14.500.370.796	720.044.471

14. Chi phí phải trả

Tại ngày 30/06/2017 Tại ngày 01/07/2016

	VND	VND
Chi phí phải trả ngắn hạn		
Chi phí tiền lãi vay phải trả	46.277.903	500
Cộng	46.277.903	500

15. Các khoản phải trả khác

Tại ngày 30/06/2017 Tại ngày 01/07/2016

	568.452.800	15.420.551
Ngắn hạn		
Bảo hiểm xã hội	452.800	-
Công ty TNHH Xây dựng số 6 Kon Tum	274.000.000	-
Võ Thị Mai Liên	20.000.000	-
Nguyễn Thành Đông	274.000.000	-
Phải trả khác	-	15.420.551
Cộng	568.452.800	15.420.551

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Địa chỉ: km số 2, thôn Kon Rờ Bàng, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum, VN

Điện thoại: (0260) 3864 958 - Fax: (0260) 3862 969

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính

từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017

16. Tăng, giảm vốn chủ sở hữu**A- Bảng đối chiếu biến động nguồn vốn chủ sở hữu**

Nội dung	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	LN sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
1. Số dư đầu năm trước	50.700.000.000	2.609.812.512	18.674.216.181	4.626.045.950	52.972.689.313	129.582.763.956
- Lãi trong năm trước					33.054.409.865	33.054.409.865
- Tăng khác				510.314.050		510.314.050
- Giảm do trích lập quỹ KTPL và các quỹ khác					2.955.244.942	2.955.244.942
- Chia cổ tức, lợi nhuận trong năm					20.280.000.000	20.280.000.000
- Giảm khác năm trước						-
2. Số dư cuối năm trước	50.700.000.000	2.609.812.512	18.674.216.181	5.136.360.000	62.791.854.236	139.912.242.929
3. Số dư đầu năm nay	50.700.000.000	2.609.812.512	18.674.216.181	5.136.360.000	62.791.854.236	139.912.242.929
- Lãi trong năm					42.379.935.326	42.379.935.326
- Tăng khác						-
- Giảm do trích lập quỹ KTPL và các quỹ khác					8.805.440.986	8.805.440.986
- Chia cổ tức, lợi nhuận trong năm					20.280.000.000	20.280.000.000
- Giảm khác trong năm					398.402.112	398.402.112
4. Số dư cuối năm	50.700.000.000	2.609.812.512	18.674.216.181	5.136.360.000	75.687.946.464	152.808.335.157

Note: Năm trước của đơn vị là kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Địa chỉ: km số 2, thôn Kon Rờ Bàng, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum, VN

Điện thoại: (0260) 3864 958 - Fax: (0260) 3862 969

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính

từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017

B. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**Tại ngày 30/06/2017** **Tại ngày 01/07/2016**

	VND	VND
Công ty TNHH Kim Hà Việt	7.605.000.000	7.605.000.000
Nguyễn Tất Đạt	3.588.000.000	3.588.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	39.507.000.000	39.507.000.000
Cộng	50.700.000.000	50.700.000.000

C. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận được chia:

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	50.700.000.000	50.700.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	50.700.000.000	50.700.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	20.280.000.000	20.280.000.000
Chia cổ tức	20.280.000.000	20.280.000.000

D. Cổ phiếu**Tại ngày 30/06/2017** **Tại ngày 01/07/2016**

- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.070.000	5.070.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.070.000	5.070.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.070.000	5.070.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.070.000	5.070.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.070.000	5.070.000
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 VND/ 1 Cổ phiếu	

E. Cổ tức**Năm nay** **Năm trước**

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:

Chưa công bố

40%

Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi:

Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận:

F. Các quỹ doanh nghiệp**Tại ngày 30/06/2017** **Tại ngày 01/07/2016**

Quỹ đầu tư phát triển

18.674.216.181

18.674.216.181

17. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán**Tại ngày 30/06/2017** **Tại ngày 01/07/2016**

Nợ khó đòi đã xử lý

11.755.504.970

11.755.504.970

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Thuyết minh báo cáo tài chính

Địa chỉ: km số 2, thôn Kon Rờ Bàng, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum, VN

Cho năm tài chính

Điện thoại: (0260) 3864 958 - Fax: (0260) 3862 969

từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (ĐVT: VND)

1.	Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Từ 01/07/2016 đến 30/06/2017	Từ 01/07/2015 đến 30/06/2016
	Doanh thu bán đường thành phẩm	234.471.868.047	269.424.478.093
	Doanh thu bán đường Tuy Hòa	35.952.380.952	-
	Doanh thu bán mật	15.972.165.000	15.066.090.480
	Doanh thu bán bã bùn	2.929.571.961	1.924.223.892
	Doanh thu bán phân bón	4.642.611.832	3.078.495.723
	Doanh thu khác	602.832.286	1.585.773.759
	Cộng	294.571.430.078	291.079.061.947
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	298.890.000
	Hàng bán bị trả lại	-	298.890.000
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	294.571.430.078	290.780.171.947
	Doanh thu bán đường thành phẩm	234.471.868.047	269.424.478.093
	Doanh thu bán đường Tuy Hòa	35.952.380.952	-
	Doanh thu bán mật	15.972.165.000	15.066.090.480
	Doanh thu bán bã bùn	2.929.571.961	1.924.223.892
	Doanh thu bán phân bón	4.642.611.832	2.779.605.723
	Doanh thu khác	602.832.286	1.585.773.759
4.	Giá vốn hàng bán	Từ 01/07/2016 đến 30/06/2017	Từ 01/07/2015 đến 30/06/2016
	Giá vốn bán đường thành phẩm	203.086.859.449	233.393.835.321
	Giá vốn bán đường Tuy Hòa	35.714.285.714	-
	Giá vốn bán mật	-	4.300.000.000
	Giá vốn bán phân bón	4.398.664.124	2.817.587.118
	Giá vốn khác	106.333.016	1.092.900.001
	Cộng	243.306.142.303	241.604.322.440
5.	Doanh thu hoạt động tài chính	Từ 01/07/2016 đến 30/06/2017	Từ 01/07/2015 đến 30/06/2016
	Lãi tiền gửi, cho vay và lãi trả chậm	5.837.830.332	4.545.318.184
	Cộng	5.837.830.332	4.545.318.184
6.	Chi phí hoạt động tài chính	Từ 01/07/2016 đến 30/06/2017	Từ 01/07/2015 đến 30/06/2016
	Chi phí lãi vay	2.627.972.384	564.451.666
	Cộng	2.627.972.384	564.451.666

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Địa chỉ: km số 2, thôn Kon Rờ Bàng, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum, VN
 Điện thoại: (0260) 3864 958 - Fax: (0260) 3862 969

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính
 từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017

	Từ 01/07/2016 đến 30/06/2017	Từ 01/07/2015 đến 30/06/2016
7. Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	-	324.081.272
Chi phí vật liệu bao bì	8.359.677	21.198.520
Chi phí dụng cụ đồ dùng	306.274.000	99.641.666
Chi phí dịch vụ mua ngoài	756.527.992	1.073.675.557
Chi phí khác	-	3.222.000
Cộng	1.071.161.669	1.521.819.015
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	5.438.002.758	3.999.905.697
Chi phí vật liệu quản lý	316.417	158.208
Chi phí đồ dùng VP	216.548.327	370.321.335
Chi phí dự phòng	297.046.517	1.831.580.892
Chi phí KH TSCĐ	868.683.715	401.242.245
Thuế, phí, lệ phí	127.928.243,00	108.990.352
Chi phí dịch vụ mua ngoài	722.800.501	1.071.361.219
Chi phí khác bằng tiền	375.693.284,00	627.813.437
Cộng	8.047.019.762	8.411.373.385
9. Thu nhập khác		
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	-	525.354.545
Thu khác	377.409.430	237.809.143
Cộng	377.409.430	763.163.688
10. Chi phí khác		
Thù lao HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành	420.000.000	301.000.000
Chi phí tiền lương năm 2014	-	1.073.464.039
Chi phí thanh lý tài sản cố định	573.221.354	-
Các khoản khác	1.030.465.278	904.961.850
Cộng	2.023.686.632	2.279.425.889
11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	43.710.687.090	41.707.261.424
Điều chỉnh để xác định lợi nhuận chịu thuế	8.344.713.668	5.955.897.675
<i>Điều chỉnh tăng</i>	<i>8.344.713.668</i>	<i>5.955.897.675</i>

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM**Thuyết minh báo cáo tài chính**

Địa chỉ: km số 2, thôn Kon Rờ Bàn, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum, VN

Cho năm tài chính

Điện thoại: (0260) 3864 958 - Fax: (0260) 3862 969

từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017

	Lương, thù lao HĐQT không làm việc tại công ty	420.000.000	301.000.000
	Chênh lệch tiền lương đã hạch toán vào chi phí và số thực trả đến thời điểm quyết toán	6.321.027.036	3.676.471.786
	Chi phí tiền lương năm 2014	-	1.073.464.039
	Chi phí không được trừ khi tính thuế TNDN	1.603.686.632	904.961.850
	Điều chỉnh giảm	-	-
	Thu nhập được miễn thuế	45.401.641.937	45.945.340.675
	Thu nhập tính thuế	6.653.758.821	1.717.818.424
	Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20% và 22%
	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.330.751.764	354.181.670
12.	Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Từ 01/07/2016 đến 30/06/2017	Từ 01/07/2015 đến 30/06/2016
	Chi phí nguyên vật liệu, hàng hóa, thành phẩm	286.317.784.575	209.985.559.387
	Chi phí nhân viên	19.677.805.167	19.413.120.290
	Chi phí khấu hao TSCĐ	5.752.475.808	3.765.501.004
	Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.398.434.362	1.832.746.275
	Chi bằng tiền khác	1.007.013.895	10.035.818.331
	Cộng	321.153.513.807	245.032.745.287
11	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Từ 01/07/2016 đến 30/06/2017	Từ 01/07/2015 đến 30/06/2016
	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	42.379.935.326	41.353.079.754
	Số cổ phiếu lưu hành đầu kỳ	5.070.000	5.070.000
	Số cổ phiếu phát hành thêm	-	-
	Số cổ phiếu lưu hành bình quân	5.070.000	5.070.000
	+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ khen thưởng ban điều hành trích theo NQĐHĐCĐTN và theo dự kiến	2.618.996.766	5.205.024.900
	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.842	7.130
VII.	Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (VND)		
	Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.		
	Trong năm không có khoản tiền nào do doanh nghiệp nắm giữ mà không được sử dụng.		
			Từ 01/07/2016 đến 30/06/2017
			VND
1.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		271.385.898.730
	NH TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Kontum		109.248.850.898

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Địa chỉ: km số 2, thôn Kon Rờ Bàng, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum, VN

Điện thoại: (0260) 3864 958 - Fax: (0260) 3862 969

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính

từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017

NH TMCP Đầu tư và PT Việt Nam - CN Kontum	162.137.047.832
---	-----------------

2. Tiền chi trả nợ gốc vay 118.795.497.410

NH TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Kontum	32.427.869.391
---	----------------

NH TMCP Đầu tư và PT Việt Nam - CN Kontum	86.367.628.019
---	----------------

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1 Công cụ tài chính****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty thực hiện quản trị nguồn vốn để đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động vừa có thể tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua việc sử dụng nguồn vốn có hiệu quả.

Cấu trúc vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm: vốn điều lệ cộng với thặng dư vốn cổ phần trừ đi cổ phiếu quỹ, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính.

	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
-Tiền và các khoản tương đương tiền	17.349.439.905	17.349.439.905
- Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	151.153.453.062	146.939.297.794

Công nợ tài chính

Các khoản nợ tài chính đã được đánh giá lại theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán hiện hành để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của công ty. Cụ thể các khoản phải trả người bán và các khoản vay có gốc ngoại tệ đều được đánh giá lại theo tỷ giá tại ngày lập báo cáo. Đồng thời các khoản chi phí đi vay phải trả đã được ghi nhận trong kỳ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công nợ tài chính tại 30/06/2017	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Phải trả người bán	9.958.187.554	-	9.958.187.554
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	568.452.800	-	568.452.800
Chi phí phải trả	46.277.903	-	46.277.903
Vay và nợ thuê tài chính	152.591.401.320	-	152.591.401.320

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM**Thuyết minh báo cáo tài chính**

Địa chỉ: km số 2, thôn Kon Rờ Bàng, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum, VN

Cho năm tài chính

Điện thoại: (0260) 3864 958 - Fax: (0260) 3862 969

từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017

Rủi ro thị trường: Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Rủi ro này công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng từ một số lượng lớn từ các nhà cung cấp trong nước, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán và điều chỉnh giá bán cho người mua khi có biến động lớn về giá cả hàng hóa.

Rủi ro tín dụng: bao gồm rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất. Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để thanh toán cho các khoản nợ phải trả hiện tại và tương lai. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản đối với các khoản nợ phải trả hiện tại dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo việc duy trì một lượng tiền mặt đáp ứng tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn

2. Thông tin về các bên liên quan khác**2.1 Tên tổ chức/ cá nhân có liên quan**

Công ty TNHH Kim Hà Việt

Ông Nguyễn Tất Đạt

Công ty Cổ phần mía đường Tuy Hòa

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Ngũ Cốc

Mối quan hệ

Cổ đông lớn

Cổ đông lớn

Ông Đặng Việt Anh CT HĐQT Công ty CP Đường KonTum là TGD Công ty CP Mía đường Tuy Hòa

Ông Lê Hồng Thái TGD Công ty CP Đường Kon Tum là CT HĐQT Công ty CP XNK Ngũ Cốc

2.2. Doanh thu bán hàng và CCDV

Công ty TNHH Kim Hà Việt

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Ngũ Cốc

Cộng**Từ 01/07/2016 đến
30/06/2017****Từ 01/07/2015 đến
30/06/2016**

139.095.238.523

9.313.000.001

28.194.076.190

124.047.619.047

167.289.314.713**133.360.619.048****2.3. Mua hàng hóa dịch vụ**

Công Ty TNHH Kim Hà Việt

Công ty Cổ phần mía đường Tuy Hòa

Cộng**Từ 01/07/2016 đến
30/06/2017****Từ 01/07/2015 đến
30/06/2016**

4.111.418.134

-

35.714.285.714

-

39.825.703.848

-

2.4. Doanh thu hoạt động tài chính

Công ty TNHH Kim Hà Việt

Công ty Cổ phần mía đường Tuy Hòa

Cộng**Từ 01/07/2016 đến
30/06/2017****Từ 01/07/2015 đến
30/06/2016**

1.615.187.500

1.128.162.140

995.416.667

-

2.610.604.167**1.128.162.140**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Thuyết minh báo cáo tài chính

Địa chỉ: km số 2, thôn Kon Rờ Bàng, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum, VN

Cho năm tài chính

Điện thoại: (0260) 3864 958 - Fax: (0260) 3862 969

từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017

2.5. Thu nhập khác

	Từ 01/07/2016 đến 30/06/2017	Từ 01/07/2015 đến 30/06/2016
--	---------------------------------	---------------------------------

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Ngũ Cốc	63.636.364	-
Cộng	63.636.364	-

2.6. Các khoản phải thu

	Tại ngày 30/06/2017	Tại ngày 01/07/2016
--	---------------------	---------------------

Công Ty TNHH Kim Hà Việt -TK131	78.050.000.000	-
Công Ty TNHH Kim Hà Việt -TK138	405.041.667	-
Công ty Cổ phần mía đường Tuy Hòa	75.416.667	-
Công ty Cổ phần mía đường Tuy Hòa - Dư Nợ 331	2.500.000.000	-

2.7. Các khoản phải trả

	Tại ngày 30/06/2017	Tại ngày 01/07/2016
--	---------------------	---------------------

Công Ty TNHH Kim Hà Việt	230.425.584	-
--------------------------	-------------	---

2.8 Thu nhập HĐQT và BKS

	Năm nay	Năm trước
--	---------	-----------

Thù lao HĐQT + BKS	804.000.000	253.794.480
Thu nhập ban Tổng GD và thành viên chủ chốt	614.139.418	254.608.446
Cộng	1.418.139.418	508.402.926

3 Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ Công ty cung cấp

Công ty có kinh doanh các dịch vụ chính sau:

Kinh doanh sản xuất: đường, mật rỉ, sản phẩm vi sinh, phân bón ủ men, mía giống...

Kinh doanh thương mại: Bán thành phẩm, phân bón,...

Khu vực địa lý: Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam

Thông tin về kết quả kinh doanh, của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Từ 01/07/2016 đến 30/06/2017	Doanh thu theo bộ phận	Chi phí theo bộ phận	KQKD theo bộ phận
Doanh thu bán đường thành phẩm	234.471.868.047	203.086.859.449	31.385.008.598
Doanh thu bán đường Tuy Hòa	35.952.380.952	35.714.285.714	238.095.238
Doanh thu bán mật	15.972.165.000	-	15.972.165.000
Doanh thu bán bã bùn	2.929.571.961	-	2.929.571.961

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM**Thuyết minh báo cáo tài chính**

Địa chỉ: km số 2, thôn Kon Rờ Bàng, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum, VN

Cho năm tài chính

Điện thoại: (0260) 3864 958 - Fax: (0260) 3862 969

từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017

Doanh thu bán phân bón	4.642.611.832	4.398.664.124	243.947.708
Doanh thu khác	602.832.286	106.333.016	496.499.270
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(9.118.181.431)
Cộng	294.571.430.078	243.306.142.303	42.147.106.344

4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính kết thúc ngày 30/06/2016 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội.

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Ban Giám đốc khẳng định rằng, Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong kỳ hoạt động tiếp theo

6. Những thông tin khác

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế với việc áp dụng các quy định và Chuẩn mực kế toán cho các giao dịch tại Công ty có thể được giải thích theo cách khác nhau vì vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

Kon Tum, ngày 25 tháng 08 năm 2017

Người lập biểu



Phan Dạ Uyên

Kế toán trưởng



Hồ Minh Tường



Tổng Giám đốc

Lê Hồng Thái

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯƠNG KON TUM

Địa chỉ: km số 2, thôn Kon Rờ Bàng, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum, VN

Điện thoại: (0260) 3864 958 - Fax: (0260) 3862 969

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính

từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017

Phụ lục 01**9. Vay và nợ thuê tài chính**

Khoản mục	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	152.591.401.320	152.591.401.320	271.385.898.730	118.795.497.410	1.000.000	1.000.000
NH TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Kontum (1)	76.821.981.507	76.821.981.507	109.248.850.898	32.427.869.391	1.000.000	1.000.000
NH TMCP Đầu tư và PT Việt Nam - CN Kontum (2)	75.769.419.813	75.769.419.813	162.137.047.832	86.367.628.019		
Tổng cộng	152.591.401.320	152.591.401.320	271.385.898.730	118.795.497.410	1.000.000	1.000.000

(1): Vay Ngân hàng Ngoại thương CN Kon Tum hợp đồng số: 123/16/NHNT ngày 08/08/2016, hạn mức vay: 100.000.000.000, thời hạn vay 6 tháng kể từ ngày rút vốn, lãi suất 6%/năm, tài sản đảm bảo bằng tài sản là toàn bộ số dư tiền gửi tại ngân hàng Ngoại thương Việt Nam và tài sản khác của bên vay theo yêu cầu của bên cho vay nếu thực hiện không đúng, không đầy đủ các cam kết trong hợp đồng tín dụng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động.

(2): Vay Ngân hàng BIDV CN Kon Tum hợp đồng số: 01/2016/666424/HĐTD ngày 16/08/2016, hạn mức vay: 80.000.000.000, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, cấp bảo lãnh thanh toán phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, tài sản đảm bảo bằng tài sản: Tín chấp 100%, tài sản đảm bảo khác: Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi VNĐ và ngoại tệ của khách hàng tại Ngân hàng BIDV CN Kon Tum và tại các tổ chức tín dụng khác, lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong thời kỳ.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)